

Cập nhật ngày 29/11/2015

**CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN DINH DƯỠNG
NUTRICARE**

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

SỐ CBSP: T101/NUTRICARE/2025

**THỰC PHẨM BỔ SUNG SẢN PHẨM
DINH DƯỠNG COLOSCARE ADULT**

Năm 2025

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: T101/NUTRICARE/2025

CHỨC AN TOÀN THỰC PHẨM BẮC NINH

ĐẾN Số: 304

Ngày: 30/10/2025

Chuyển:

Số và ký hiệu HS:

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân công bố sản phẩm

Tên tổ chức, cá nhân: **CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN DINH DƯỠNG NUTRICARE**

Địa chỉ: Nhà máy 1: Lô VII.2 và Nhà máy 2: Lô V.11, Lô V.12, khu công nghiệp Thuận Thành 3, Phường Trí Quả, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam.

Mã số chi nhánh: 0104937284-002

Điện thoại: 024.6683.3368

Email: contact@nutricare.com.vn

Số Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP:..... Ngày Cấp/Nơi cấp:.....

(Cơ sở đạt chứng nhận ISO 22000 - không thuộc đối tượng phải cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm theo quy định)

II. Thông tin về sản phẩm:

1. Tên sản phẩm: Thực phẩm bổ sung Sản phẩm dinh dưỡng ColosCare Adult

2. Thành phần:

Chất béo thực vật, Đạm đậu nành, Sucrose, Maltodextrin, Đạm sữa, Sữa Non, Chất xơ hòa tan (Polydextrose), Các Khoáng chất (Canxi carbonat, Tricanxi phosphat, Magiê phosphat, Kali clorid, Natri clorid, Kẽm sulfat, Natri selenit, Sắt pyrophosphat, Mangan sulfat, Crôm clorid, Kali iodid, Đồng sulfat) và Các Vitamin (Natri-L-ascorbat, DL-alpha-tocopheryl acetat, Nicotinamid, Cyanocobalamin, Retinyl acetat, Canxi-D-pantothenat, Cholecalciferol, Pyridoxin hydroclorid, Thiamin mononitrat, Axit folic, Riboflavin, Phylloquinon), Hương liệu tổng hợp dùng trong thực phẩm (hương vani, hương sữa), Beta-Glucan, Lactoferrin, Postbiotic (Lợi khuẩn *Lactococcus lactis* Plasma).

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm: 24 tháng kể từ ngày sản xuất.

Ngày sản xuất, lô sản xuất và hạn sử dụng được in trên bao bì sản phẩm.

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

- **Quy cách bao gói:** Khối lượng tịnh: 800 g. (Đóng gói phù hợp quy định về đo lường đối với lượng của hàng hóa đóng gói sẵn).

- **Chất liệu bao bì:** Sản phẩm được đóng gói trong lon thiếc đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm theo quy định của Bộ Y tế.

III. Mẫu nhãn sản phẩm

(Đính kèm mẫu nhãn sản phẩm hoặc mẫu nhãn sản phẩm dự kiến)

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm:

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu an toàn thực phẩm theo:

- QCVN 8-1:2011/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm.

- QCVN 8-2:2011/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm.



- QCVN 8-3:2012/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với ô nhiễm vi sinh vật trong thực phẩm. Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

Bắc Ninh, ngày 27 tháng 10 năm 2025

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

(Ký tên, đóng dấu)



PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
Hoàng Công Quý





GIÁ TRỊ DINH DƯỠNG TRUNG BÌNH
AVERAGE NUTRITIONAL VALUES*

Thành phần	Đơn vị	Trong 10 gói (g)	Trong 1 ly bột chuẩn (g)
Năng lượng/Energy	kcal	447	212
Chất đạm/Protein	g	18,3	8,70
BCAA	mg	2264	1075
Leucine	mg	1030	489
Isoleucine	mg	591	281
Valine	mg	643	305
Chất béo/Chất béo không bão hòa (Omega 3, 6, 9)	g	15,9	7,55
Total unsaturated fatty acids	mg	4400	2090
Carbohydrat/Carbohydrat	g	56,3	26,7
Đường tổng số/Total sugars	g	12,5	5,94
Chất xơ hòa tan (Polydextrose)	g	3,70	1,76
Beta-Glucan 1,3/1,6	mg	921	437
IgG	mg	1212	575
Từ Sữa Non/From Colostrum	mg	7500	3563
Lactoferrin	mg	20,0	9,50
Lợi khuẩn Postbiotic (Lactococcus lactis Plasma)	16 bào	13,2 tỷ	6,27 tỷ
Vitamin/Vitamins			
Vitamin A	IU	1682	799
Vitamin D3	IU	475	226
Vitamin E	IU	15,7	7,47
Vitamin K1	µg	26,1	12,4
Vitamin C	mg	69,0	32,8
Vitamin B1	µg	96,0	45,6
Vitamin B2	µg	66,0	31,4
Niacin	µg	11200	5320
Acid pantothenic/Pantothenic acid	µg	4016	1908
Vitamin B6	µg	1420	675
Acid folic/Folic acid	µg	89,0	42,3
Vitamin B12	µg	5,80	2,78
Kháng chất/Minerals			
Natri/Sodium	mg	300	142
Kali/Potassium	mg	325	154
Canxi/Calcium	mg	550	261
Phốt pho/Phosphorus	mg	340	162
Magnezi/Magnesium	mg	66,0	31,4
Sắt/Iron	mg	4,43	2,10
Kẽm/Zinc	mg	9,50	4,51
Mangan/Manganese	µg	1048	498
Đồng/Copper	µg	320	152
Iốt/Iodine	µg	60,0	28,5
Seleni/Selenium	µg	20,0	9,50
Crom/Chromium	µg	22,5	10,7

THÀNH PHẦN/INGREDIENTS

Chất béo thực vật, Đạm đậu nành, Sucrose, Maltodextrin, Đạm sữa, Sữa Non, Chất xơ hòa tan (Polydextrose), Các khoáng chất (Canxi carbonate, Tricaxi phosphat, Magie phosphat, Kali clorid, Natri clorid, Kẽm sulfat, Natri selenit, Sắt pyrophosphat, Mangan sulfat, Crom clorid, Kali iodid, Đồng sulfat) và Các Vitamin (Natri-L-ascorbat, DL-alpha-tocopheryl acetat, Nicotinamid, Cyanocobalamin, Retinyl acetat, Canxi-D-pantothemat, Cholecalciferol, Pyridoxin hydroclorid, Thiamin mononitrat, Acid folic, Riboflavin, Phylloquinon), Hương liệu tổng hợp dùng trong thực phẩm (hương vani, hương sữa), Beta-Glucan, Lactoferrin Postbiotic (Lợi khuẩn *Lactococcus lactis Plasma*).

Vegetable fat, Soy protein, Sucrose, Maltodextrin, Milk protein, Colostrum, Soluble fiber (Polydextrose), Minerals (Calcium carbonate, Tricalcium phosphate, Magnesium phosphate, Potassium chloride, Sodium chloride, Zinc sulfate, Sodium selenite, Iron pyrophosphate, Manganese sulfate, Chromium chloride, Potassium sulfide, Copper sulfate) and Vitamins (Sodium L-ascorbate, DL-alpha-tocopheryl acetate, Nicotinamide, Cyanocobalamin, Retinyl acetate, Calcium D-pantothemat, Cholecalciferol, Pyridoxine hydrochloride, Thiamine mononitrate, Folic acid, Riboflavin, Phylloquinone), Synthetic flavors (vanilla flavor, milk flavor), Beta-Glucan, Lactoferrin Postbiotic (*Lactococcus lactis strain Plasma*).

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG/INSTRUCTION FOR USE

Cho từ 5 muỗng gạt (tương đương 47,5 g bột) vào 180 ml nước đun sôi để nguội khoảng 50°C.
Pour 180 ml warm water (approximately 50°C) into the utensil, then add 5 scoops (approximately 47,5 g) of powder.

Khuấy đều cho đến khi bột tan hết.
Hỗn hợp sau khi pha phải sử dụng hết trong vòng 3 giờ.
Stir well until the powder is completely dissolved.
Finish using product reconstituted feeding 3 hours after preparation.

LƯỢNG DÙNG KHUYẾN NGHỊ/RECOMMENDED INTAKE

- Người lớn dùng 2 - 3 ly/ngày./Adults take 2 - 3 servings per day.
 - Trẻ từ 10 - 18 tuổi có thể dùng 2 ly/ngày./Children aged 10 - 18 years may take 2 servings per day.
- Hoặc theo hướng dẫn của bác sĩ/chuyên gia dinh dưỡng, Dr./follow doctor/dietitian's instruction.

(1) Hàm lượng các chất dinh dưỡng không thấp hơn 80% giá trị ghi trên nhãn.
(2) 1212 mg IgG/100 g sản phẩm.
(3) Lượng 14 bào lợi khuẩn Postbiotic mỗi muỗng 2 ly bột chuẩn.
Lưu ý: Sản phẩm có thể chứa các hạt vụn chất dinh dưỡng có màu khác với màu bột sữa. Không đánh cho người nhai cứng với Sữa. Dùng ngay. Không sử dụng sản phẩm khi hết hạn. Không dùng cho trẻ dưới 10 tuổi.



ColosCare

DINH DƯỠNG TĂNG SỨC ĐỀ KHÁNG NGƯỜI LỚN™

Adult



KHỐI LƯỢNG TÍNH
800 g

Thực phẩm bổ sung

THỰC PHẨM BỔ SUNG SẢN PHẨM DINH DƯỠNG COLOSCARE ADULT

ColosCare Adult - DINH DƯỠNG TĂNG SỨC ĐỀ KHÁNG NGƯỜI LỚN

Càng lớn tuổi, sức đề kháng càng suy giảm, nguy cơ gặp phải các tình trạng rối loạn chức năng và nhiễm bệnh tăng cao. Dinh dưỡng đồng mặt với trẻ đặc biệt quan trọng trong việc hỗ trợ tăng sức đề kháng, giúp cải thiện sức khỏe về thể chất cũng như tinh thần ở người lớn tuổi.

ColosCare Adult - Sản phẩm dinh dưỡng đột phá với hàm lượng cao kháng thể tự nhiên IgG 1212 mg⁽¹⁾ từ sữa non, cũng nguồn dinh dưỡng được thiết kế phù hợp với người lớn cần tăng sức đề kháng, tăng cường sức khỏe cơ xương, tim mạch đồng thời hỗ trợ tiêu hóa và hấp thu.

HỖ TRỢ TĂNG CƯỜNG ĐỀ KHÁNG - BẢO VỆ SỨC KHỎE:

- SỮA NON**: Sữa non (chứa hàm lượng kháng thể tự nhiên IgG 1212 mg⁽¹⁾ cao) giúp tăng cường sức đề kháng cơ thể.
- Beta-Glucan**: giúp hệ thống miễn dịch hoạt động hiệu quả hơn, cải thiện sức khỏe đường hô hấp.
- Lợi khuẩn bổ sung 10 tỷ lợi khuẩn Postbiotic™** hỗ trợ tăng cường hệ miễn dịch.

DINH DƯỠNG CẦN ĐÓI - HỖ TRỢ HẤP THU:

- Cao năng lượng, giàu Protein, Canxi, Vitamin D3 giúp tăng cường chức năng hệ cơ xương.
- Tổng axit béo không bão hòa (Omega 3, 6, 9) hỗ trợ sức khỏe tim mạch.
- 100% chất xơ hòa tan hỗ trợ tiêu hóa, chống táo bón và tăng cường hấp thu khoáng chất.

BẢO QUẢN/STORAGE

Đậy kín sau mỗi lần sử dụng. Bảo quản nơi khô ráo, sạch sẽ, thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp. Sản phẩm khi đã mở phải được sử dụng hết trong vòng 3 tuần. Close the product tightly after each use. Store in a cool and dry place, and avoid direct sunlight. Use within 3 weeks after first opened.

CÔNG TY CỔ PHẦN DINH DƯỠNG NUTRICARE

VP&Đ: Số 8, Khu A-TT2 Him Lam, Phường Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.
Tư công bố sản phẩm: Chi nhánh Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nutricare Nhà máy 1, Lô V12 và Nhà máy 2, Lô V11, Lô V12, Khu công nghiệp Thuận Thành 3, Phường Trĩ Quả, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam. Xuất xứ: Việt Nam.
Sản xuất tại: Chi nhánh Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nutricare Nhà máy 1, Lô V12, Khu công nghiệp Thuận Thành 3, Phường Trĩ Quả, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam. Xuất xứ: Việt Nam.

Nhà máy Nutricare đạt ứng Hệ thống quản lý An toàn thực phẩm ISO 22000
S. Hệ thống Thực hành sản xuất tốt (GMP) phù hợp CXC 1-1989
Hệ thống quản lý Môi trường ISO 14001
NSX và HSD: Xem trên bao bì.
Số CBSP: T101/NUTRICARE/2025



CHĂM SÓC KHÁCH HÀNG
MIEN BẮC: 800.6011 | miennb@nutricare.com.vn
MIEN NAM: 028.7300.9888
www.nutricare.com.vn

GIÁ TRỊ DINH DƯỠNG TRUNG BÌNH
AVERAGE NUTRITIONAL VALUES⁽¹⁾

Thành phần Components	Đơn vị Unit	Trong 100 g bột Per 100g powder	Trong 1 ly pha chuẩn (212ml) Per serving
Năng lượng/Energy	kcal	447	212
Chất đạm/Protein	g	18,3	8,70
BCAA	mg	2264	1075
Leucine	mg	1030	499
Isoleucine	mg	591	281
Valine	mg	643	305
Chất béo/Lipid	g	15,9	7,55
Tổng axit béo không no (Omega 3, 6, 9) Total unsaturated fatty acids	mg	4400	2090
Carbohydrat/Carbohydrate	g	56,3	26,7
Đường tổng số/total sugars	g	12,5	5,94
Chất xơ hòa tan (Polydextrose)	g	3,70	1,76
Soluble fiber (Polydextrose)			
Beta-Glucan 1,3/1,6	mg	92,1	43,7
IgG	mg	1212	575
Từ Sữa Non/From Colostrum	mg	7500	3563
Lactoferrin	mg	20,0	9,50
Lợi khuẩn Postbiotic (Lactococcus lactis Plasma)	tế bào	13,2 tỷ	6,27 tỷ
Vitamin/Minerals			
Vitamin A	IU	1682	799
Vitamin D3	IU	475	226
Vitamin E	IU	15,7	7,47
Vitamin K1	µg	26,1	12,4
Vitamin C	mg	690	328
Vitamin B1	µg	960	456
Vitamin B2	µg	660	314
Niacin	µg	11200	5320
Axit pantothenic/Pantothenic acid	µg	4016	1908
Vitamin B6	µg	1420	675
Axit folic/Folic acid	µg	89,0	42,3
Vitamin B12	µg	5,80	2,76
Khoáng chất/Minerals			
Natri/Sodium	mg	300	142
Kali/Potassium	mg	325	154
Canxi/Calcium	mg	550	261
Magiê/Magnesium	mg	340	162
Mangan/Manganese	µg	660	314
Sắt/iron	mg	4,43	2,10
Kẽm/Zinc	mg	9,50	4,51
Mangan/Manganese	µg	1048	498
Đồng/Copper	µg	320	152
I-ốt/Iodine	µg	60,0	28,5
Selen/Selenium	µg	20,0	9,50
Crom/Chromium	µg	22,5	10,7

THÀNH PHẦN/INGREDIENTS

Chất béo thực vật, Đạm đậu nành, Sucrose, Maltodextrin, Đạm sữa, Sữa Non, Chất xơ hòa tan (Polydextrose), Các Khoáng chất (Canxi carbonat, Tricaxi phosphat, Magiê phosphat, Kali clorid, Natri clorid, Kẽm sulfat, Natri selenit, Sắt pyrophosphat, Mangan sulfat, Crom clorid, Kali iodid, Đồng sulfat) và Các Vitamin (Natri-L-ascorbat, DL-alpha-tocopheryl acetat, Nicotinamid, Cyanocobalamin, Retinyl acetat, Canxi-D-pantothenat, Cholecalciferol, Pyridoxin hydroclorid, Thiamin mononitrat, Axit folic, Riboflavin, Phylloquinon), Hương liệu tổng hợp dùng trong thực phẩm (hương vani, hương sữa), Beta-Glucan, Lactoferrin, Postbiotic (Lợi khuẩn Lactococcus lactis Plasma).

Vegetable fat, Soy protein, Sucrose, Maltodextrin, Milk protein, Colostrum, Soluble fiber (Polydextrose), Minerals (Calcium carbonate, Tricalcium phosphate, Magnesium phosphate, Potassium chloride, Sodium chloride, Zinc sulfate, Sodium selenite, Iron pyrophosphate, Manganese sulfate, Chromium chloride, Potassium iodide, Copper sulfate) and Vitamins (Sodium-L-ascorbate, DL-alpha-tocopheryl acetate, Nicotinamide, Cyanocobalamin, Retinyl acetate, Calcium-D-pantothenate, Cholecalciferol, Pyridoxine hydrochloride, Thiamine mononitrate, Folic acid, Riboflavin, Phylloquinone), Synthetic Flavour (vanilla flavour, milk flavour), Beta-Glucan, Lactoferrin, Postbiotic (Lactococcus lactis strain Plasma).

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG/INSTRUCTION FOR USE



Cho từ từ 5 muỗng gạt (tương đương 47,5 g bột) vào 180 ml nước đun sôi để nguội khoảng 50 °C.
Pour 180 ml warm water (approximately 50 °C) into the utensils, then add 5 scoops (approximately 47.5 g of powder).



Khuấy đều cho đến khi bột tan hết.
Hỗn hợp sau khi pha phải sử dụng hết trong vòng 3 giờ.
Stir well until the powder is completely dissolved.
Finish using product reconstituted feeding 3 hours after preparation.

LƯỢNG DÙNG KHUYẾN NGHỊ/RECOMMENDED INTAKE

- Người lớn dùng 2 - 3 ly/ngày./Adults take 2 - 3 servings per day.
 - Trẻ từ 10 - 18 tuổi có thể dùng 2 ly/ngày./Children aged 10 - 18 years may take 2 servings per day.
- Hoặc theo hướng dẫn của bác sĩ/chuyên gia dinh dưỡng./Or follow doctor/dietitian's instruction.

(1) Hàm lượng các chất dinh dưỡng không thấp hơn 80% giá trị ghi trên nhãn.
(2) 1212 mg IgG/100 g sản phẩm.
(3) Lượng tế bào Lợi khuẩn Postbiotic tối thiểu trong 2 ly pha chuẩn.

Lưu ý: Sản phẩm có thể chứa các hạt vi chất dinh dưỡng có màu khác với màu bột sữa. Không dành cho người nhạy cảm với Sữa, Đậu nành, Không sử dụng sản phẩm khi hết hạn. Không dùng cho trẻ dưới 10 tuổi.



ColosCare

DINH DƯỠNG TĂNG SỨC ĐỀ KHÁNG NGƯỜI LỚN⁽⁴⁾

Adult



KHỐI LƯỢNG TÍNH
800 g

Thực phẩm bổ sung

THỰC PHẨM BỔ SUNG SẢN PHẨM DINH DƯỠNG COLOSCARE ADULT

ColosCare Adult - DINH DƯỠNG TĂNG SỨC ĐỀ KHÁNG NGƯỜI LỚN

Càng lớn tuổi, sức đề kháng càng suy giảm, nguy cơ gặp phải các tình trạng rối loạn chức năng và nhiễm bệnh tăng cao. Dinh dưỡng đóng một vai trò đặc biệt quan trọng trong việc hỗ trợ tăng sức đề kháng, giúp cải thiện sức khỏe về thể chất cũng như tinh thần ở người lớn tuổi.

ColosCare Adult - Sản phẩm dinh dưỡng đột phá với hàm lượng cao kháng thể tự nhiên **IgG 1212 mg⁽²⁾** từ sữa non, cùng nguồn dinh dưỡng được thiết kế phù hợp với người lớn cần tăng sức đề kháng, tăng cường sức khỏe xương, tim mạch đồng thời hỗ trợ tiêu hóa và hấp thu.

HỖ TRỢ TĂNG CƯỜNG ĐỀ KHÁNG - BẢO VỆ SỨC KHỎE⁽¹⁾

- SỮA NON** (chứa hàm lượng kháng thể tự nhiên **IgG 1212 mg⁽²⁾** cao) giúp tăng cường sức đề kháng cơ thể.
- Beta-Glucan** giúp hệ thống miễn dịch hoạt động hiệu quả hơn, cải thiện sức khỏe đường hô hấp.
- Lợi khuẩn** bổ sung 10 tỷ lợi khuẩn Postbiotic⁽³⁾ hỗ trợ tăng cường hệ miễn dịch.

Colostrum
IgG 1200⁺
Postbiotic
Chất xơ

DINH DƯỠNG CẦN ĐỐI - HỖ TRỢ HẤP THU:

- Cao năng lượng, **Giàu Protein, Canxi, Vitamin D3** giúp tăng cường chức năng hệ cơ xương.
- Tổng axit béo không no (Omega 3, 6, 9)** hỗ trợ sức khỏe tim mạch.
- 100% chất xơ hòa tan** hỗ trợ tiêu hóa, chống táo bón và tăng cường hấp thu khoáng chất.

BẢO QUẢN/STORAGE

Đậy kín sau mỗi lần sử dụng. Bảo quản nơi khô ráo, sạch sẽ, thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp. Sản phẩm khi đã mở phải được sử dụng hết trong vòng 3 tuần.
Close the product tightly after each use. Store in a cool and dry place, and avoid direct sunlight. Use within 3 weeks after first opened.

CÔNG TY CỔ PHẦN DINH DƯỠNG NUTRICARE

VPGD: Số 8, Khu A-TT2 Him Lam, Phường Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.
Tư công bố sản phẩm: Chi nhánh Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nutricare
Nhà máy 1: Lô VII.2 và Nhà máy 2: Lô VII.1, Lô VII.2, Khu công nghiệp Thuận Thành 3, Phường Trí Quả, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam.
Nhà máy 3: Chi nhánh Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nutricare
Nhà máy 1: Lô VII.2, Khu công nghiệp Thuận Thành 3, Phường Trí Quả, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam. Xuất xứ: Việt Nam.

Nhà máy Nutricare đáp ứng Hệ thống quản lý An toàn thực phẩm ISO 22000 & Hệ thống Thực hành sản xuất tốt (GMP) phù hợp CXC 1-1969, Hệ thống quản lý Môi trường ISO 14001.

NSX và HSD: Xem trên bao bì.
Số CBSP: T101/NUTRICARE/2025



8 9 5 6 1 4 2 6 7 1 3 0 8

Tin hiệu nhận về sản phẩm tại đây

CHĂM SÓC KHÁCH HÀNG
MIỄN BÁC: 1800.6011 (miễn phí cước gọi)
MIỄN NAM: 028.7.350.9888
www.nutricare.com.vn

BẢN TIÊU CHUẨN SẢN PHẨM

Số: T101/NUTRICARE/2025

Tên tổ chức, cá nhân: **CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN DINH DƯỠNG NUTRICARE**

Địa chỉ: Nhà máy 1: Lô VII.2 và Nhà máy 2: Lô V.11, Lô V.12, khu công nghiệp Thuận Thành 3, Phường Trí Quả, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam.

Mã số chi nhánh: 0104937284-002

Điện thoại: 024.6683.3368

Email: contact@nutricare.com.vn

1. Tên sản phẩm: Thực phẩm bổ sung Sản phẩm dinh dưỡng ColosCare Adult

2. Thành phần cấu tạo:

Chất béo thực vật, Đạm đậu nành, Sucrose, Maltodextrin, Đạm sữa, Sữa Non, Chất xơ hòa tan (Polydextrose), Các Khoáng chất (Canxi carbonat, Tricanxi phosphat, Magiê phosphat, Kali clorid, Natri clorid, Kẽm sulfat, Natri selenit, Sắt pyrophosphat, Mangan sulfat, Crôm clorid, Kali iodid, Đồng sulfat) và Các Vitamin (Natri-L-ascorbat, DL-alpha-tocopheryl acetat, Nicotinamid, Cyanocobalamin, Retinyl acetat, Canxi-D-pantothenat, Cholecalciferol, Pyridoxin hydroclorid, Thiamin mononitrat, Axit folic, Riboflavin, Phylloquinon), Hương liệu tổng hợp dùng trong thực phẩm (hương vani, hương sữa), Beta-Glucan, Lactoferrin, Postbiotic (Loại khuẩn *Lactococcus lactis* Plasma).

3. Chỉ tiêu cảm quan:

STT	Chỉ tiêu	Yêu cầu
1	Trạng thái	Bột tơi, mịn, không vón cục
2	Màu sắc	Màu trắng đến ngà vàng
3	Mùi vị	Mùi đặc trưng của sản phẩm, không mùi cháy khét, mùi mốc hay mùi lạ. Vị đắng đặc trưng của sản phẩm, không có vị lạ (đắng khét).

4. Chỉ tiêu chất lượng chủ yếu:

Thành phần	Đơn vị	Tối thiểu trong 100 g bột
Năng lượng/Energy	kcal	357,6
Chất đạm/Protein	g	14,64
BCAA	mg	1811,2
Leucine	mg	824
Isoleucine	mg	472,8
Valine	mg	514,4
Chất béo/Lipid	g	12,72
Tổng axit béo không no (Omega 3, 6, 9)	mg	3520
Carbohydrat/Carbohydrate	g	45,04
Đường tổng số/Total sugars	g	10

Chất xơ hòa tan (Polydextrose)	g	2,96
Beta-Glucan 1,3/1,6	mg	73,68
IgG	mg	969,6
Từ Sữa Non/ <i>From Colostrum</i>	mg	6000
Lactoferrin	mg	16
Lợi khuẩn Postbiotic (<i>Lactococcus lactis</i> Plasma)	tỷ tế bào	10,56
Vitamin/Vitamins		
Vitamin A	IU	1345,6
Vitamin D3	IU	380
Vitamin E	IU	12,56
Vitamin K1	µg	20,88
Vitamin C	mg	55,2
Vitamin B1	µg	768
Vitamin B2	µg	528
Niacin	µg	8960
Axit pantothenic/ <i>Pantothenic acid</i>	µg	3212,8
Vitamin B6	µg	1136
Axit folic/ <i>Folic acid</i>	µg	71,2
Vitamin B12	µg	4,64
Khoáng chất/Minerals		
Natri/ <i>Sodium</i>	mg	240
Kali/ <i>Potassium</i>	mg	260
Canxi/ <i>Calcium</i>	mg	440
Phốt pho/ <i>Phosphorus</i>	mg	272
Magiê/ <i>Magnesium</i>	mg	52,8
Sắt/ <i>Iron</i>	mg	3,544
Kẽm/ <i>Zinc</i>	mg	7,6
Mangan/ <i>Manganese</i>	µg	838,4
Đồng/ <i>Copper</i>	µg	256
I-ốt/ <i>Iodine</i>	µg	48
Selen/ <i>Selenium</i>	µg	16
Crôm/ <i>Chromium</i>	µg	18

5. Chỉ tiêu an toàn:

5.1. Chỉ tiêu vi sinh vật: Phù hợp QCVN 8-3:2012/BYT Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia đối với ô nhiễm vi sinh vật trong thực phẩm.

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Mức tối đa
1	<i>Salmonella</i>	/25 g	KPH
2	<i>Enterobacteriaceae</i>	CFU/g	10
3	<i>Staphylococci</i> dương tính với coagulase	CFU/g	10
4	<i>L. monocytogens</i>	CFU/g	100
5	Nội độc tố của <i>Staphylococcus</i>	/25 g	KPH

5.2. Hàm lượng kim loại nặng: Phù hợp QCVN 8-2:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm.

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Mức tối đa
1	Cadmi (Cd)	mg/kg	1,0
2	Chì (Pb)	mg/l dung dịch pha chuẩn	0,02
		Tương đương mg/kg bột	0,0884
3	Thủy ngân (Hg)	mg/kg	0,05
4	Arsen (As)	mg/kg	0,5
5	Thiếc (Sn) (Sản phẩm đựng trong bao bì tráng thiếc)	mg/kg	250

5.3. Hàm lượng độc tố vi nấm: Phù hợp QCVN 8-1:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm.

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Mức tối đa
1	Aflatoxin M1	µg/kg	0,5

6. Hướng dẫn sử dụng

Cho từ từ 5 muỗng gạt (tương đương 47,5 g bột) vào 180 ml nước đun sôi để nguội khoảng 50 °C. Khuấy đều cho đến khi bột tan hết.

Hỗn hợp sau khi pha phải sử dụng hết trong vòng 3 giờ.

Lưu ý:

- Sản phẩm có thể chứa các hạt vi chất dinh dưỡng có màu khác với màu bột sữa.
- Không dành cho người nhạy cảm với Sữa, Đậu nành.
- Không sử dụng sản phẩm khi hết hạn.
- Không dùng cho trẻ dưới 10 tuổi

7. Lượng dùng khuyến nghị

Người lớn dùng 2 - 3 ly/ngày.

Trẻ từ 10 - 18 tuổi có thể dùng 2 ly/ngày.

Hoặc theo hướng dẫn của bác sĩ/chuyên gia dinh dưỡng.

8. Hướng dẫn bảo quản

Đậy kín sau mỗi lần sử dụng. Bảo quản nơi khô ráo, sạch sẽ, thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp. Sản phẩm khi đã mở phải được sử dụng hết trong vòng 3 tuần.

9. Hạn sử dụng: 24 tháng kể từ ngày sản xuất. NSX và HSD được in trên bao bì.

10. Chất liệu bao bì và quy cách đóng gói

4-002
 NH
 PHẢI
 3NG
 RE
 BẮC

Quy cách bao gói: Khối lượng tịnh: 800 g (Đóng gói phù hợp quy định về đo lường đối với lượng của hàng hóa đóng gói sẵn).

Chất liệu bao bì: Sản phẩm được đóng gói trong lon thiếc đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm theo quy định của Bộ Y tế

11. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm:

Sản xuất tại: Chi nhánh Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nutricare.

Nhà máy 1, Lô VII.2, Khu công nghiệp Thuận Thành 3, Phường Trí Quả, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam.

Nhà máy Nutricare đáp ứng Hệ thống quản lý An toàn thực phẩm ISO 22000 & Hệ thống Thực hành sản xuất tốt (GMP) phù hợp CXC 1-1969, Hệ thống quản lý Môi trường ISO 14001.

Bắc Ninh, ngày 27 tháng 10 năm 2025

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

(Ký tên, đóng dấu)



PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
Hồng Công Quý

